

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
----***----

HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

BÁNH KEM XỐP HƯƠNG RED VELVET VEDAN MORE

TCCS 78/VDN/2023

CÔNG TY CP HH VEDAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0251.3825111 Fax: 0251.3825138

Email: d1-hha@vedaninternational.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ: TCCS 78/VDN/2023

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0251.3825111

Fax: 0251.3825138

E-mail: d1-hha@vedaninternational.com

Mã số doanh nghiệp: 3600239719

II. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM

1. Tên sản phẩm: Bánh kem xếp hương Red Velvet Vedan More

2. Thành phần: Bột mì, shortening, đường xay, bột whey, bột kem (5,82%), tinh bột hỗn hợp (tinh bột bắp, chất ổn định (1403), tinh bột khoai tây), bột ca cao (1,32%), bột phô mai (1,16%), dầu đậu nành, chất nhũ hóa (322(i)), phẩm màu đỏ (nước, phẩm màu tự nhiên (120)), bột nở, hương liệu vanilla nhân tạo, chất nhũ hóa (460(ii)), hương liệu Red Velvet nhân tạo, phẩm màu vàng (dầu đậu nành, phẩm màu tổng hợp (160a(i))), hương liệu kem nhân tạo.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 16 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

a) Quy cách đóng gói (khối lượng tịnh):

100 g và các quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.

b) Chất liệu bao bì:

Sản phẩm được đóng gói trong bao bì màng phức hợp OPP20/MCPP25, bên ngoài là hộp giấy. Bao bì sử dụng phù hợp yêu cầu an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Nhà sản xuất: KCG Corporation Public Company Limited.

Địa chỉ: 79 Moo 11, Theparak Rd., Bang Pla, Bang Phli, Samut Prakan 10540 Thailand.

Xuất xứ: Thái Lan.

III. MẪU NHÃN SẢN PHẨM

Xem mẫu nhãn đính kèm.

IV. YÊU CẦU VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam nhập khẩu, phân phối và kinh doanh sản phẩm “Bánh kem xốp hương Red Velvet Vedan More” đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quyết định 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm (Phần 6 mục 6.5.2).
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục 2.20, 3.18).
- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (mục 1.6, 2.2, 4.6, 5.5).
- Thông tư 24/2019/TT-BYT: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Đồng Nai, ngày 29 tháng 08 năm 2023

TỔNG GIÁM ĐỐC



NI CHIH HAO



Size : W 31.3 x H 24.9 cm

Size : W 31.3 x H 24.9 cm



31.3 cm



HÌNH ẢNH PHÒNG TO NỘI DUNG GHI NHÃN
BÁNH KEM XỐP HƯƠNG RED VELVET VEDAN MORE 100 g

BÁNH KEM XỐP HƯƠNG RED VELVET VEDAN MORE

Thành phần: Bột mì, shortening, đường xay, bột whey, bột kem (5,82%), tinh bột hỗn hợp (tinh bột bắp, chất ổn định (1403), tinh bột khoai tây), bột ca cao (1,32%), bột phô mai (1,16%), dầu đậu nành, chất nhũ hóa (322(i)), phẩm màu đỏ (nước, phẩm màu tự nhiên (120)), bột nở, hương liệu vanilla nhân tạo, chất nhũ hóa (460(ii)), hương liệu Red Velvet nhân tạo, phẩm màu vàng (dầu đậu nành, phẩm màu tổng hợp (160a(i))), hương liệu kem nhân tạo.

Hướng dẫn sử dụng: Dùng trực tiếp sau khi mở bao bì.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát (không quá 25°C); tránh nhiệt độ cao, ẩm ướt và ánh nắng trực tiếp của mặt trời.

Thông tin cảnh báo: Sản phẩm chứa bột mì, sản phẩm từ sữa, sản phẩm từ đậu nành và có thể chứa dứa.

NSX, HSD: Xem MFG, BBE trên bao bì

Sản xuất tại: KCG Corporation Public Company Limited

Địa chỉ: 79 Moo 11 Theparak Rd., Bang Pla, Bang Phli, Samut Prakan 10540 Thailand

Xuất xứ: Thái Lan

Thương nhân nhập khẩu, phân phối và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa:

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Free Hotline: 1800 599 902

Website: www.vedan.com.vn

TCCS 78/VDN/2023



HÌNH ẢNH PHÒNG TO NỘI DUNG GHI NHÃN
BÁNH KEM XỐP HƯƠNG RED VELVET VEDAN MORE 100 g

VEDAN MORE WAFERS FILLED WITH RED VELVET FLAVOURED CREAM

Main Ingredients: Wheat Flour, Shortening, Icing Sugar, Whey Powder, Cream Powder (5.82%), Mixed Starch (Corn Starch, Stabilizer (1403), Potato Starch), Cocoa Powder (1.32%), Cheese Powder (1.16%), Soybean Oil, Emulsifier (322(i)), Red Colour (Water, Natural Colour (120)), Baking Powder, Artificial Vanilla Flavour, Emulsifier (460(ii)), Artificial Red Velvet Flavour, Yellow Colour (Soybean Oil, Synthetic Colour (160a(i))), Artificial Cream Flavour.

Allergen Information: Product Contains Wheat Flour, Milk Product, Soybean Product and May Contain Coconut.

Store in a cool & dry place (should not more than 25°C); avoiding heat, moisture and direct sunlight.

MFG Date and Best Before (Shown on pack)

MANUFACTURED BY : KCG CORPORATION PUBLIC COMPANY LIMITED

**79 MOO 11 THEPARAK RD., BANG PLA, BANG PHI,
SAMUT PRAKAN 10540 THAILAND**

Tel. 0-2730-5564 www.kcgcorporation.com

IMPORTED BY: VEDAN VIETNAM ENTERPRISE CORP., LTD

**National Road 51, Hamlet 1A, Phuoc Thai Village,
Long Thanh District, Dong Nai Province, Vietnam**

Free Hotline: 1800 599 902

Website: www.vedan.com.vn

Nutrition Information

Serving size 1 Pack (33 g)

Servings per container: 3

Amount per serving

Total energy 180 kcal

	Percent Thai RDI	
Total Fat	9 g	14 %
Protein	2 g	
Total Carbohydrate	22 g	7 %
Sugars	8 g	
Sodium	60 mg	3 %

*Percent Thai Recommended Daily Intakes for population over 6 years of age are based on a 2,000 kcal diet.





**BẢN DỊCH
TRANSLATION**

Báo cáo thử nghiệm: 5616580

Ngày: 7/7/2023

Số công nhận: 1007/43

Trang 1/4

Khách hàng : KCG Corporation Public Company Limited

3059-3059/1-3 Sukhumvit Road,

Bang Chak, Phra Khanong, Bangkok 10260 Thái Lan

(Các) mẫu sau đây đã được gửi với thông tin được khách hàng xác định như sau:

Tên mẫu: Bánh kem xếp hương Red Velvet Vedan More

Mô tả mẫu: Bánh kem xếp

Xuất khẩu tới: CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

(Các) mẫu sau đã được SGS xác định như sau:

Số mẫu của SGS: 5891812

Điều kiện mẫu: Mẫu được niêm phong trong túi nhôm.

Số lượng Đã gửi : 80 túi

Ngày nhận: 26-6-2023 Ngày bắt đầu: 27-6-2023

Hạng mục thử nghiệm	Phương pháp	LOD	LOQ	Kết quả	Đơn vị
Độ ẩm	Phương pháp nội bộ SOP LBAG-00124 theo AOAC (2019) 927.05.950.46.925.40.934.06.925.10.948.12	-	-	1,6	g/100g
Hoạt độ nước	Phương pháp nội bộ SOP LBAG-12277 theo AOAC (2019) 978.18	-	-	0,160 tại 25,0 độ C	-
Chì (Pb)	Phương pháp nội bộ SOP số LBCH-13532 theo AOAC (2019) 999.10 và 2011.14	0,02	0,03	Không phát hiện	mg/kg
Asen (As)	Phương pháp nội bộ SOP số LBCH-13532 theo AOAC (2019) 999.10 và 2011.14	0,01	0,03	Thấp hơn 0,03	mg/kg
Thiếc (Sn)	Phương pháp nội bộ SOP số LBCH-13532 theo AOAC (2019) 999.10 và 2011.14	0,01	0,35	Không phát hiện	mg/kg

"Bất kỳ người nắm giữ tài liệu này nên lưu ý nếu thông tin của khách hàng hoặc bên thứ ba được cung cấp liên quan đến hàng hóa hoặc mẫu, SGS có thể tùy ý đính kèm hoặc chỉ ra thông tin đó vào báo cáo nhưng SGS không bảo đảm hoặc không chịu trách nhiệm về tính xác thực hoặc sự thiếu sót của Thông tin đó."

Tài liệu này do Công ty phát hành tuân theo Điều kiện chung về Dịch vụ được in ở trang sau, có sẵn theo yêu cầu.

Cần chú ý đến các vấn đề về giới hạn trách nhiệm pháp lý, bồi thường và quyền tài phán được xác định trong đó. Bất kỳ người nào nắm giữ tài liệu này đều được khuyến cáo rằng thông tin trong tài liệu này chỉ phản ánh những phát hiện của Công ty tại thời điểm can thiệp và trong giới hạn hướng dẫn của Khách hàng, nếu có. Công ty chỉ chịu trách nhiệm đối với Khách hàng của mình và tài liệu này không miễn trừ cho các bên tham gia giao dịch thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của họ theo các tài liệu giao dịch. Không được sao chép Tài liệu này ngoại trừ toàn bộ, nếu chưa có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Công ty. Bất kỳ thay đổi trái phép, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức của tài liệu này đều được coi là bất hợp pháp và những người vi phạm có thể bị truy tố ở mức cao nhất của pháp luật.

Cấm xuất bản hoặc quảng cáo kết quả hoặc tài liệu này, trừ khi có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Công ty.

Trừ khi có quy định khác, kết quả thể hiện trong báo cáo thử nghiệm này chỉ đề cập đến (các) mẫu đã nhận và (các) mẫu đó chỉ được lưu giữ trong 15 ngày.

CẢNH BÁO: (Các) mẫu có kết quả được ghi lại ở trong đây ("Kết quả") do Khách hàng hoặc bên thứ ba cung cấp theo chỉ đạo của Khách hàng. Kết quả không đảm bảo tính đại diện của mẫu đối với bất kỳ hàng hóa nào và chỉ liên quan đến (các) mẫu. Công ty không chịu trách nhiệm pháp lý liên quan đến nguồn gốc của (các) mẫu được thực hiện.

SGS (Thailand) Limited | Laboratory Services 10/10/1 - 4 and 12 Soi Rama III S. 59, Chong Nonsi, Yan Nawa, Bangkok
ĐT +66 (0)2 683 05 41, 294 74 85-90 fax +66 (0)2 294 74 84, 683 07 58 www.sgs.com

Thành viên của SGS Group

Hạng mục thử nghiệm	Phương pháp	LOD	LOQ	Kết quả	Đơn vị
Thủy ngân (Hg)	Phương pháp nội bộ SOP LBCH-08480 theo USEPA, tháng 2/2007, phương pháp 7473, Máy phân tích thủy ngân	0,004	0,01	Không phát hiện	mg/kg
Dộc tố đa mycotoxin	Phương pháp nội bộ SOP số LBLC-18004 theo phương pháp QuEChERS của Sở tay khoa học Thermo Fisher, Thuyết minh sử dụng số 21121, HPLC-MS-MS				
-Aflatoxin B1		0,25	0,50	Không phát hiện	ug/kg
-Aflatoxin B2		0,25	0,50	Không phát hiện	ug/kg
-Aflatoxin G1		0,25	0,50	Không phát hiện	ug/kg
-Aflatoxin G2		0,25	0,50	Không phát hiện	ug/kg
- Aflatoxin tổng số		-	-	Không phát hiện	ug/kg
-Deoxynivalenol (DON)		10,00	20,00	Không phát hiện	ug/kg
-Ochratoxin A		0,25	0,50	Không phát hiện	ug/kg
-Zearalenone		2,50	5,00	Không phát hiện	ug/kg
Màu thực phẩm tổng hợp	Phương pháp nội bộ SOP Số LBLC-18003 theo Hóa học thực phẩm 177 (2015), P.197-203, HPLC-DAD				
- Vàng chanh E102		0,50	1,00	Không phát hiện	mg/kg
- Đỏ Dậm 4R E124		0,50	1,00	Không phát hiện	mg/kg
- Vàng Cam FCF E110		0,50	1,00	Không phát hiện	mg/kg
- Đỏ Hồng AC E129		0,50	1,00	Không phát hiện	mg/kg
- Đỏ Mận hoặc màu azo E122		0,50	1,00	Không phát hiện	mg/kg
- Đỏ hồng E127		0,50	1,00	Không phát hiện	mg/kg
- Xanh Lá Xanh Dương FCF		0,50	1,00	Không phát hiện	mg/kg
- Xanh Dương FCF E133		0,50	1,00	Không phát hiện	mg/kg
- Xanh nhạt V E131		0,50	1,00	Không phát hiện	mg/kg
- Vàng Tươi E104		1,00	3,00	Không phát hiện	mg/kg

"Bất kỳ người nắm giữ tài liệu này nên lưu ý nếu thông tin của khách hàng hoặc bên thứ ba được cung cấp liên quan đến hàng hóa hoặc mẫu, SGS có thể tùy ý đính kèm hoặc chỉ ra thông tin đó vào báo cáo nhưng SGS không bảo đảm hoặc không chịu trách nhiệm về tính xác thực hoặc sự thiếu sót của Thông tin đó"

Tài liệu này do Công ty phát hành tuân theo Điều kiện chung về Dịch vụ được in ở trang sau, có sẵn theo yêu cầu.

Cần chú ý đến các vấn đề về giới hạn trách nhiệm pháp lý, bồi thường và quyền tài phán được xác định trong đó. Bất kỳ người nào nắm giữ tài liệu này đều được khuyến cáo rằng thông tin trong tài liệu này chỉ phản ánh những phát hiện của Công ty tại thời điểm can thiệp và trong giới hạn hướng dẫn của Khách hàng, nếu có. Công ty chỉ chịu trách nhiệm đối với Khách hàng của mình và tài liệu này không miễn trừ cho các bên tham gia giao dịch thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của họ theo các tài liệu giao dịch. Không được sao chép Tài liệu này ngoại trừ toàn bộ, nếu chưa có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Công ty. Bất kỳ thay đổi trái phép, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức của tài liệu này đều được coi là bất hợp pháp và những người vi phạm có thể bị truy tố ở mức cao nhất của pháp luật.

Cấm xuất bản hoặc quảng cáo kết quả hoặc tài liệu này, trừ khi có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Công ty.

Trừ khi có quy định khác, kết quả thể hiện trong báo cáo thử nghiệm này chỉ đề cập đến (các) mẫu đã nhận và (các) mẫu đó chỉ được lưu giữ trong 15 ngày.

CẢNH BÁO: (Các) mẫu có kết quả được ghi lại ở trong đây ("Kết quả") do Khách hàng hoặc bên thứ ba cung cấp theo chỉ đạo của Khách hàng. Kết quả không đảm bảo tính đại diện của mẫu đối với bất kỳ hàng hóa nào và chỉ liên quan đến (các) mẫu. Công ty không chịu trách nhiệm pháp lý liên quan đến nguồn gốc của (các) mẫu được thực hiện.

SGS (Thailand) Limited | Laboratory Services 10.10/1 - 4 and 12 Soi Rama III S. 59, Chong Nonsi, Yan Nawa, Bangkok
DT +66 (0)2 683 05 41, 294 74 85-90 fax +66 (0)2 294 74 84, 683 07 58 www.sgs.com

Hạng mục thử nghiệm	Phương pháp	LOD	LOQ	Kết quả	Đơn vị
Lưu huỳnh dioxit (SO ₂)	Phương pháp nội bộ SOP số LBFD-97016 liên quan đến Sổ tay kiểm soát chất lượng thực phẩm của FAO.1986.tập 14/7 trang 62-64.AOAC (2019) 961.09 và AOAC (2019) 962.16	2,5	10	Không phát hiện	mg/kg
Chất chống oxy hóa	Phương pháp nội bộ SOP LBFD-13623 theo Tạp chí Hóa học Thực phẩm 105 (2007) 389-394 ,HPLC-DAD	1,50	3,00	Không phát hiện	mg/kg
-TBHQ		1,50	3,00	Không phát hiện	mg/kg
-BHA		1,50	3,00	Không phát hiện	mg/kg
-BHT		1,50	3,00	10,74	mg/kg
Axit benzoic	Phương pháp nội bộ SOP LBFD-06349 theo Tạp chí sắc ký A.1073 (2005) trang 393-397 HPLC/DAD	0,50	1,50	Không phát hiện	mg/kg
-Axit benzoic		0,59	1,77	Không phát hiện	mg/kg
-*Natri benzoat					
Axit sorbic	Phương pháp nội bộ SOP LBFD-06349 theo Tạp chí sắc ký A.1073 (2005) trang 393-397 , HPLC-DAD	0,50	1,50	Không phát hiện	mg/kg
- Axit sorbic		0,67	2,01	Không phát hiện	mg/kg
-* Kali sorbat					
Melamine & chất tương tự	Phương pháp nội bộ SOP số LBLC-21004 theo Thực phẩm và Môi trường của nghiên cứu AB SCIEX 2013.; số xuất bản: 7170213-01, HPLC-MS-MS				
-Melamine		0,05	0,10	Không phát hiện	mg/kg
- Axit xyanuric		0,05	0,10	Không phát hiện	mg/kg
Cadimi (Cd)	Phương pháp nội bộ SOP số LBCH-13532 theo AOAC (2019) 999.10 và 2011.14	0,01	0,03	Thấp hơn 0,03	mg/kg

"Bất kỳ người nắm giữ tài liệu này nên lưu ý nếu thông tin của khách hàng hoặc bên thứ ba được cung cấp liên quan đến hàng hóa hoặc mẫu, SGS có thể tùy ý đính kèm hoặc chỉ ra thông tin đó vào báo cáo nhưng SGS không đảm bảo hoặc không chịu trách nhiệm về tính xác thực hoặc sự thiếu sót của Thông tin đó"

Tài liệu này do Công ty phát hành tuân theo Điều kiện chung về Dịch vụ được in ở trang sau, có sẵn theo yêu cầu.

Cần chú ý đến các vấn đề về giới hạn trách nhiệm pháp lý, bồi thường và quyền tài phán được xác định trong đó. Bất kỳ người nào nắm giữ tài liệu này đều được khuyến cáo rằng thông tin trong tài liệu này chỉ phản ánh những phát hiện của Công ty tại thời điểm can thiệp và trong giới hạn hướng dẫn của Khách hàng, nếu có. Công ty chỉ chịu trách nhiệm đối với Khách hàng của mình và tài liệu này không miễn trừ cho các bên tham gia giao dịch thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của họ theo các tài liệu giao dịch. Không được sao chép Tài liệu này ngoại trừ toàn bộ, nếu chưa có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Công ty. Bất kỳ thay đổi trái phép, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức của tài liệu này đều được coi là bất hợp pháp và những người vi phạm có thể bị truy tố ở mức cao nhất của pháp luật.

Cấm xuất bản hoặc quảng cáo kết quả hoặc tài liệu này, trừ khi có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Công ty.

Trừ khi có quy định khác, kết quả thể hiện trong báo cáo thử nghiệm này chỉ đề cập đến (các) mẫu đã nhận và (các) mẫu đó chỉ được lưu giữ trong 15 ngày.

CẢNH BÁO: (Các) mẫu có kết quả được ghi lại ở trong đây ("Kết quả") do Khách hàng hoặc bên thứ ba cung cấp theo chỉ đạo của Khách hàng. Kết quả không đảm bảo tính đại diện của mẫu đối với bất kỳ hàng hóa nào và chỉ liên quan đến (các) mẫu. Công ty không chịu trách nhiệm pháp lý liên quan đến nguồn gốc của (các) mẫu được thực hiện.

SGS (Thailand) Limited | Laboratory Services 10,10/1 - 4 and 12 Soi Rama III S. 59, Chong Nonsi, Yan Nawa, Bangkok
ĐT +66 (0)2 683 05 41, 294 74 85-90 fax +66 (0)2 294 74 84, 683 07 58 www.sgs.com

Thành viên của SGS Group



Báo cáo thử nghiệm: 5616580

Ngày: 7/7/2023

Số công nhận: 1007/43

Trang 4/4

Ghi chú: 1. LOD = "Giới hạn phát hiện"

2. Nhỏ hơn = Thấp hơn LOQ "Giới hạn định lượng"

"Các thử nghiệm được đánh dấu * trong Báo cáo này không được bao gồm trong Phạm vi Chứng nhận BLQS DMSc."

Phòng thí nghiệm đã được công nhận theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025.

Ký thay mặt
SGS (Thailand) Ltd.
(Đã ký)

Porn Poopetch
Quyền Trưởng phòng thí nghiệm hóa học tổng hợp

***** Kết thúc báo cáo *****

5318293

"Bất kỳ người nắm giữ tài liệu này nên lưu ý nếu thông tin của khách hàng hoặc bên thứ ba được cung cấp liên quan đến hàng hóa hoặc mẫu, SGS có thể tùy ý đính kèm hoặc chỉ ra thông tin đó vào báo cáo nhưng SGS không bảo đảm hoặc không chịu trách nhiệm về tính xác thực hoặc sự thiếu sót của Thông tin đó."

Tài liệu này do Công ty phát hành tuân theo Điều kiện chung về Dịch vụ được in ở trang sau, có sẵn theo yêu cầu.

Cần chú ý đến các vấn đề về giới hạn trách nhiệm pháp lý, bồi thường và quyền tài phán được xác định trong đó. Bất kỳ người nào nắm giữ tài liệu này đều được khuyến cáo rằng thông tin trong tài liệu này chỉ phản ánh những phát hiện của Công ty tại thời điểm can thiệp và trong giới hạn hướng dẫn của Khách hàng, nếu có. Công ty chỉ chịu trách nhiệm đối với Khách hàng của mình và tài liệu này không miễn trừ cho các bên tham gia giao dịch thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của họ theo các tài liệu giao dịch. Không được sao chép Tài liệu này ngoại trừ toàn bộ, nếu chưa có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Công ty. Bất kỳ thay đổi trái phép, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức của tài liệu này đều được coi là bất hợp pháp và những người vi phạm có thể bị truy tố ở mức cao nhất của pháp luật.

Cấm xuất bản hoặc quảng cáo kết quả hoặc tài liệu này, trừ khi có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Công ty.

Trừ khi có quy định khác, kết quả thể hiện trong báo cáo thử nghiệm này chỉ đề cập đến (các) mẫu đã nhận và (các) mẫu đó chỉ được lưu giữ trong 15 ngày.

CẢNH BÁO: (Các) mẫu có kết quả được ghi lại ở trong đây ("Kết quả") do Khách hàng hoặc bên thứ ba cung cấp theo chỉ đạo của Khách hàng. Kết quả không đảm bảo tính đại diện của mẫu đối với bất kỳ hàng hóa nào và chỉ liên quan đến (các) mẫu. Công ty không chịu trách nhiệm pháp lý liên quan đến nguồn gốc của (các) mẫu được thực hiện.

SGS (Thailand) Limited | Laboratory Services 10,10/1 - 4 and 12 Soi Rama III S. 59, Chong Nonsi, Yan Nawa, Băng Cốc
ĐT +66 (0)2 683 05 41, 294 74 85-90 fax +66 (0)2 294 74 84, 683 07 58 www.sgs.com

Thành viên của SGS Group

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 09 tháng 08 năm 2023, tại trụ sở Văn phòng Công chứng Lại Khánh, A4 - TT19 Khu đô thị Văn Quán, Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Tôi, Công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật

CHỨNG NHẬN:
CERTIFY THAT:

- Bản dịch này do bà Lê Thị Chà, CMND số 012392795 cấp ngày 23/12/2009 tại công an Hà Nội, là cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Lại Khánh, A4 - TT19 Khu đô thị Văn Quán, Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, đã dịch từ **tiếng Anh sang tiếng Việt**.
- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của bà Lê Thị Chà;
- Nội dung của bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội;
- Văn bản công chứng này được lập thành 05 bản chính, mỗi bản gồm 5 tờ, 5 trang, lưu một bản tại Văn phòng Công chứng Lại Khánh, A4 - TT19 Khu đô thị Văn Quán, Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Số công chứng: 2495 ; Quyền số: 01/2023 -TP/CC-SCC/BD

Người dịch

Lê Thị Chà

Lê Thị Chà

CÔNG CHỨNG VIÊN



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Nguyệt Hoa



Accreditation No.1007/43

Test Report 5616580

Date : 7-Jul-2023

Page 1 of 4

Client : KCG Corporation Public Company Limited
3059-3059/1-3 Sukhumvit Road,
Bang Chak, Phra Khanong, Bangkok 10260 Thailand

The following sample(s) was/were submitted and identified by client as:

Sample Name : Vedan More Wafers filled with Red Velvet Flavored Cream
Sample Description : Wafers
Export to : VEDAN (VIETNAM) ENTERPRISE CORP.,LTD
Address : National Road 51, Hamlet 1A, Phuoc Thai Village, Long Thanh District, Dong Nai Province, Vietnam

The following sample(s) was/were identified by SGS as:

SGS Sample No. : 5891812
Sample Condition : Sample is sealed in an aluminium bag.
Qty.Submitted : 80 bags
Date Received : 26-Jun-2023 Date Commenced : 27-Jun-2023

Test Items	Method	LOD	LOQ	Results	Units
Moisture	In house method SOP LBAG-00124 based on AOAC (2019) 927.05,950.46,925.40,934.06,925. 10,948.12	-	-	1.6	g/100g
Water Activity	In house method SOP LBAG-12277 based on AOAC (2019) 978.18	-	-	0.160 at 25.0 degree C	-
Lead (Pb)	In-house method SOP No. LBCH-13532 based on AOAC (2019) 999.10 and 2011.14	0.02	0.03	Not detected	mg/kg
Arsenic (As)	In-house method SOP No. LBCH-13532 based on AOAC (2019) 999.10 and 2011.14	0.01	0.03	Less than 0.03	mg/kg
Tin (Sn)	In-house method SOP No. LBCH-13532 based on AOAC (2019) 999.10 and 2011.14	0.01	0.35	Not detected	mg/kg

"Any holder of this document is advised that should client or third party information be supplied with respect to the goods or sample, SGS may, at its discretion, attached or indicate such information to the report but SGS makes no warranties or accepts no liability for the veracity or lack thereof of such Information."

5318293

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service printed overleaf, available on request.

Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. This document cannot be reproduced except in full, without prior written approval of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Publish or advertisement of the result or this document is prohibited, unless prior written approval of the Company.

Unless otherwise stated the results shown in this test report refer only to the sample(s) received and such sample(s) are retained for 15 days only.

WARNING: The sample(s) to which the findings recorded herein (the "Findings") relate was(were) drawn and / or provided by the Client or by a third party acting at the Client's direction. The Findings constitute no warranty of the sample's representativeness of any goods and strictly relate to the sample(s). The Company accepts no liability with regard to the origin or source from which the sample(s) is/are said to be extracted.

Test Report 5616580

Date : 7-Jul-2023

Page 2 of 4

Test Items	Method	LOD	LOQ	Results	Units
Mercury (Hg)	In-house method SOP LBCH-08480 based on USEPA, February 2007, Method 7473, Mercury Analyzer	0.004	0.01	Not detected	mg/kg
Multi- mycotoxins	In-house method SOP No.LBLC-18004 based on QuEChERS method of Thermo Fisher Scientific Manual, Application Note No.21121, , HPLC-MS-MS				
-Aflatoxin B1		0.25	0.50	Not detected	ug/kg
-Aflatoxin B2		0.25	0.50	Not detected	ug/kg
-Aflatoxin G1		0.25	0.50	Not detected	ug/kg
-Aflatoxin G2		0.25	0.50	Not detected	ug/kg
-Total Aflatoxin		-	-	Not detected	ug/kg
-Deoxynivalenol (DON)		10.00	20.00	Not detected	ug/kg
-Ochratoxin A		0.25	0.50	Not detected	ug/kg
-Zearalenone		2.50	5.00	Not detected	ug/kg
Synthetic food colour	In-house method SOP no.LBLC-18003 based on Food Chemistry 177 (2015), P.197-203 , HPLC-DAD				
-Tartrazine E102		0.50	1.00	Not detected	mg/kg
-Ponceau 4R E124		0.50	1.00	Not detected	mg/kg
-Sunset yellow FCF E110		0.50	1.00	Not detected	mg/kg
-Allura Red AC E129		0.50	1.00	Not detected	mg/kg
-Carmoisine or Azorubine E122		0.50	1.00	Not detected	mg/kg
-Erythrosine E127		0.50	1.00	Not detected	mg/kg
-Fast green FCF E143		0.50	1.00	Not detected	mg/kg
-Brilliant blue FCF E133		0.50	1.00	Not detected	mg/kg
-Patent blue V E131		0.50	1.00	Not detected	mg/kg
-Quinoline yellow E104		1.00	3.00	Not detected	mg/kg

"Any holder of this document is advised that should client or third party information be supplied with respect to the goods or sample, SGS may, at its discretion, attached or indicate such information to the report but SGS makes no warranties or accepts no liable for the veracity or lack thereof of such Information."

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service printed overleaf, available on request.

Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. This document cannot be reproduced except in full, without prior written approval of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Publish or advertisement of the result or this document is prohibited, unless prior written approval of the Company.

Unless otherwise stated the results shown in this test report refer only to the sample(s) received and such sample(s) are retained for 15 days only.

WARNING: The sample(s) to which the findings recorded herein (the "Findings") relate was(were) drawn and / or provided by the Client or by a third party acting at the Client's direction. The Findings constitute no warranty of the sample's representativeness of any goods and strictly relate to the sample(s). The Company accepts no liability with regard to the origin or source from which the sample(s) is/are said to be extracted.

Test Report 5616580

Date : 7-Jul-2023

Page 3 of 4

Test Items	Method	LOD	LOQ	Results	Units
Sulphur dioxide (SO ₂)	In-house Method SOP No. LBFD-97016 in connection with FAO Manual of Food Quality Control.1986, Vol.14/7 Page 62-64, AOAC (2019) 961.09 and AOAC (2019) 962.16	2.5	10	Not detected	mg/kg
Antioxidants	In-house method SOP LBFD-13623 based on Journal of Food Chemistry 105 (2007) 389-394, HPLC-DAD				
-TBHQ		1.50	3.00	Not detected	mg/kg
-BHA		1.50	3.00	Not detected	mg/kg
-BHT		1.50	3.00	10.74	mg/kg
Benzoic acid	In house method SOP LBFD-06349 based on Journal of Chromatography A, 1073 (2005) Page 393-397 HPLC/DAD				
-Benzoic acid		0.50	1.50	Not detected	mg/kg
-*Sodium benzoate		0.59	1.77	Not detected	mg/kg
Sorbic acid	In house method SOP LBFD-06349 based on Journal of Chromatography A, 1073 (2005) Page 393-397, HPLC-DAD				
-Sorbic acid		0.50	1.50	Not detected	mg/kg
-*Potassium sorbate		0.67	2.01	Not detected	mg/kg
Melamine & Analogs	In housed method SOP no.LBLC-21004 based on Food and Environmental of AB SCIEX research 2013.; Publication number: 7170213-01, HPLC-MS-MS				
-Melamine		0.05	0.10	Not detected	mg/kg
-Cyanuric acid		0.05	0.10	Not detected	mg/kg
Cadmium (Cd)	In-house method SOP No. LBCH-13532 based on AOAC (2019) 999.10 and 2011.14	0.01	0.03	Less than 0.03	mg/kg

"Any holder of this document is advised that should client or third party information be supplied with respect to the goods or sample, SGS may, at its discretion, attached or indicate such information to the report but SGS makes no warranties or accepts no liability for the veracity or lack thereof of such Information."

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service printed overleaf, available on request.

Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. This document cannot be reproduced except in full, without prior written approval of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Publish or advertisement of the result or this document is prohibited, unless prior written approval of the Company.

Unless otherwise stated the results shown in this test report refer only to the sample(s) received and such sample(s) are retained for 15 days only.

WARNING: The sample(s) to which the findings recorded herein (the "Findings") relate was(were) drawn and / or provided by the Client or by a third party acting at the Client's direction. The Findings constitute no warranty of the sample's representativeness of any goods and strictly relate to the sample(s). The Company accepts no liability with regard to the origin or source from which the sample(s) is/are said to be extracted.



Accreditation No.1007/43

Test Report 5616580

Date : 7-Jul-2023

Page 4 of 4

Remark : 1. LOD = "Limit of Detection"

2. Less than = Lower than LOQ "Limit of Quantitation"

"Test(s) marked * on this Report are not included in the BLQS DMSQ Accreditation Scope."

The Laboratory have been accredited in accordance with ISO/IEC 17025.

Signed for and on behalf of
SGS (Thailand) Ltd.

Porn P.

Porn Poopetch

Acting General Chemical Laboratory Manager

***** End of Report *****

"Any holder of this document is advised that should client or third party information be supplied with respect to the goods or sample, SGS may, at its discretion, attached or indicate such information to the report but SGS makes no warranties or accepts no liable for the veracity or lack thereof of such Information."

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service printed overleaf, available on request.

Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. This document cannot be reproduced except in full, without prior written approval of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Publish or advertisement of the result or this document is prohibited, unless prior written approval of the Company.

Unless otherwise stated the results shown in this test report refer only to the sample(s) received and such sample(s) are retained for 15 days only.

WARNING: The sample(s) to which the findings recorded herein (the "Findings") relate was(were) drawn and / or provided by the Client or by a third party acting at the Client's direction. The Findings constitute no warranty of the sample's representativeness of any goods and strictly relate to the sample(s). The Company accepts no liability with regard to the origin or source from which the sample(s) is/are said to be extracted.



**BẢN DỊCH
TRANSLATION**

Số công nhận: 1007/43

Trang 1/4

Báo cáo thử nghiệm: 5616665

Ngày: 7/7/2023

Khách hàng : KCG Corporation Public Company Limited

79 Moo 11, Theparak Road,

Bang Pla, Bang Phli, Samut Prakarn 10540 Thái Lan

(Các) mẫu sau đây đã được gửi với thông tin được khách hàng xác định như sau:

Tên mẫu: Bánh kem xốp hương Red Velvet Vedan More

Xuất khẩu tới: CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

(Các) mẫu sau đã được SGS xác định như sau:

Số mẫu của SGS: 5891777

Điều kiện mẫu: Mẫu được niêm phong trong túi nhôm.

Số lượng Đã gửi : 81 túi (1000g)

Ngày nhận: 26-6-2023 Ngày bắt đầu: 27-6-2023

Hạng mục thử nghiệm	Phương pháp	LOD	LOQ	Kết quả	Đơn vị
Calo	Phương pháp phân tích để ghi nhận dinh dưỡng (1993): 106				
-Calo từ chất béo		-	-	240	kcal/100g
-Calo		-	-	523	kcal/100g
Chất đạm (Nx6.25)	Phương pháp nội bộ SOP LBAG-14002 theo AOAC (2019) 990.03.992.15,992.23	-	-	4.72	g/100g
Chất béo bão hòa	AOAC (2019) 996.06.GC/FID	-	0,01	12,47	g/100g
Axit béo chuyển hóa	AOAC (2019) 996.06 GC/FID	-	0,01	0,08	g/100g
-Axit béo chuyển hóa		-	-	0,00	
-trans-9,trans-12,trans-15-octadecatrienoic (C18:3)		-	-	0,00	
-trans-9, trans-12, cis-15-octadecatrienoic (C18:3)		-	-	0,00	
-trans-9, cis-12, trans-15-octadecatrienoic (C18:3)		-	-	0,00	



"Bất kỳ người nắm giữ tài liệu này nên lưu ý nếu thông tin của khách hàng hoặc bên thứ ba được cung cấp liên quan đến hàng hóa hoặc mẫu, SGS có thể tùy ý đình chỉ hoặc chỉ ra thông tin đó vào báo cáo nhưng SGS không chịu trách nhiệm về tính xác thực hoặc sự thiếu sót của Thông tin đó"

Tài liệu này do Công ty phát hành tuân theo Điều kiện chung về Dịch vụ được in ở trang sau, có sẵn theo yêu cầu.

Cần chú ý đến các vấn đề về giới hạn trách nhiệm pháp lý, bồi thường và quyền tài phán được xác định trong đó. Bất kỳ người nào nắm giữ tài liệu này đều được khuyến cáo rằng thông tin trong tài liệu này chỉ phản ánh những phát hiện của Công ty tại thời điểm can thiệp và trong giới hạn hướng dẫn của Khách hàng, nếu có. Công ty chỉ chịu trách nhiệm đối với Khách hàng của mình và tài liệu này không miễn trừ cho các bên tham gia giao dịch thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của họ theo các tài liệu giao dịch. Không được sao chép Tài liệu này ngoại trừ toàn bộ, nếu chưa có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Công ty. Bất kỳ thay đổi trái phép, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức của tài liệu này đều được coi là bất hợp pháp và những người vi phạm có thể bị truy tố ở mức cao nhất của pháp luật.

Cấm xuất bản hoặc quảng cáo kết quả hoặc tài liệu này, trừ khi có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Công ty.

Trừ khi có quy định khác, kết quả thể hiện trong báo cáo thử nghiệm này chỉ đề cập đến (các) mẫu đã nhận và (các) mẫu đó chỉ được lưu giữ trong 15 ngày.

CẢNH BÁO: (Các) mẫu có kết quả được ghi lại ở trong đây ("Kết quả") do Khách hàng hoặc bên thứ ba cung cấp theo chỉ đạo của Khách hàng. Kết quả không đảm bảo tính đại diện của mẫu đối với bất kỳ hàng hóa nào và chỉ liên quan đến (các) mẫu. Công ty không chịu trách nhiệm pháp lý liên quan đến nguồn gốc của (các) mẫu được thực hiện.

SGS (Thailand) Limited | Laboratory Services 10,10/1 - 4 and 12 Soi Rama III S. 59, Chong Nonsi, Yan Nawa, Bangkok
ĐT +66 (0)2 683 05 41, 294 74 85-90 fax +66 (0)2 294 74 84, 683 07 58 www.sgs.com

Thành viên của SGS Group

Hạng mục thử nghiệm	Phương pháp	LOD	LOQ	Kết quả	Đơn vị
-cis-9, trans-12, trans-15-octadecatrienoic (C18:3)		-	-	0,00	
-cis-9, cis-12, trans-15-octadecatrienoic (C18:3)		-	-	0,01	
-cis-9, trans-12, cis-15-octadecatrienoic (C18:3)		-	-	0,00	
-trans-9, cis-12, cis-15-octadecatrienoic (C18:3)		-	-	0,01	
Cholesterol	Phương pháp nội bộ SOP LBCH-00259 theo AOAC (2019) 994.10 , GC/FID	0,10	0,50	2,28	mg/100g
Cacbohydrat	Phương pháp phân tích để ghi nhãn dinh dưỡng (1993); 106				
- Tro		-	-	1,2	g/100g
- Độ ẩm		-	-	1,4	g/100g
- Cacbohydrat		-	-	66,0	g/100g
Chất xơ	Phương pháp nội bộ LBAG-99103 theo AOAC(2019) 985.29	-	-	1,56	g/100g
Đường tổng	Phương pháp nội bộ SOP LBLC-17001 theo AOAC(2019) 982.14 , HPLC-RI				
-Fructose		0,10	0,30	Không phát hiện	g/100g
-Glucose		0,10	0,30	Không phát hiện	g/100g
-Sucrose		0,10	0,30	20,72	g/100g
-Maltose		0,10	0,30	Không phát hiện	g/100g
-Lactose		0,10	0,30	4,60	g/100g
-Đường tổng		-	-	25,32	g/100g
Natri (Na)	Phương pháp nội bộ SOP số LBCH-13532 theo AOAC (2019) 999.10 và 2011.14	1,50	5,00	180	mg/100g

"Bất kỳ người nắm giữ tài liệu này nên lưu ý nếu thông tin của khách hàng hoặc bên thứ ba được cung cấp liên quan đến hàng hóa hoặc mẫu, SGS có thể tùy ý đính kèm hoặc chỉ ra thông tin đó vào báo cáo nhưng SGS không bảo đảm hoặc không chịu trách nhiệm về tính xác thực hoặc sự thiếu sót của Thông tin đó."

Tài liệu này do Công ty phát hành tuân theo Điều kiện chung về Dịch vụ được in ở trang sau, có sẵn theo yêu cầu.

Cần chú ý đến các vấn đề về giới hạn trách nhiệm pháp lý, bồi thường và quyền tài phán được xác định trong đó. Bất kỳ người nào nắm giữ tài liệu này đều được khuyến cáo rằng thông tin trong tài liệu này chỉ phản ánh những phát hiện của Công ty tại thời điểm can thiệp và trong giới hạn hướng dẫn của Khách hàng, nếu có. Công ty chỉ chịu trách nhiệm đối với Khách hàng của mình và tài liệu này không miễn trừ cho các bên tham gia giao dịch thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của họ theo các tài liệu giao dịch. Không được sao chép Tài liệu này ngoại trừ toàn bộ, nếu chưa có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Công ty. Bất kỳ thay đổi trái phép, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức của tài liệu này đều được coi là bất hợp pháp và những người vi phạm có thể bị truy tố ở mức cao nhất của pháp luật.

Cấm xuất bản hoặc quảng cáo kết quả hoặc tài liệu này, trừ khi có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Công ty.

Trừ khi có quy định khác, kết quả thể hiện trong báo cáo thử nghiệm này chỉ đề cập đến (các) mẫu đã nhận và (các) mẫu đó chỉ được lưu giữ trong 15 ngày.

CẢNH BÁO: (Các) mẫu có kết quả được ghi lại ở trong đây ("Kết quả") do Khách hàng hoặc bên thứ ba cung cấp theo chỉ đạo của Khách hàng. Kết quả không đảm bảo tính đại diện của mẫu đối với bất kỳ hàng hóa nào và chỉ liên quan đến (các) mẫu. Công ty không chịu trách nhiệm pháp lý liên quan đến nguồn gốc của (các) mẫu được thực hiện.

SGS (Thailand) Limited | Laboratory Services 10,10/1 - 4 and 12 Soi Rama III S. 59, Chong Nonsi, Yan Nawa, Bangkok

ĐT +66 (0)2 683 05 41, 294 74 85-90 fax +66 (0)2 294 74 84, 683 07 58 www.sgs.com

Thành viên của SGS Group

Hạng mục thử nghiệm	Phương pháp	LOD	LOQ	Kết quả	Đơn vị
Canxi (Ca)	Phương pháp nội bộ SOP số LBCH-13532 theo AOAC (2019) 999.10 và 2011.14	0,60	2,00	59	mg/100g
Sắt (Fe)	Phương pháp nội bộ SOP số LBCH-13532 theo AOAC (2019) 999.10 và 2011.14	0,01	0,07	1,22	mg/100g
Kali (K)	Phương pháp nội bộ SOP số LBCH-13532 theo AOAC (2019) 999.10 và 2011.14	1,50	5,00	238	mg/100g
Vitamin A (dạng Retinol)	Phương pháp nội bộ SOP LBFD-99076 theo Bull. Dept. Med. Sci. tập 37 số 1 tháng 1-tháng 3 1995: trang 57-64	0,98	1,96	Không phát hiện	ug/100g
Vitamin B1 (Thiamine)	Phương pháp nội bộ SOP LBFD-00089 theo AOAC (2019) 942.23	0,05	0,08	0,10	mg/100g
Vitamin B2(Riboflavin)	Phương pháp nội bộ SOP LBFD-00084 theo AOAC (2019) 970.65	0,05	0,08	0,28	mg/100g
Vitamin D	Phương pháp nội bộ SOP LBFD-08474 liên quan đến AOAC (2016) 981.17 và AOAC (2016) 995.05				
-Vitamin D2 (dạng ergocalciferol)		0,25	0,50	Không phát hiện	ug/100g
-Vitamin D3 (dạng cholecalciferol)		0,25	0,50	Không phát hiện	ug/100g
Chất béo	Phương pháp nội bộ LBAG-00110 theo AOAC(2019) 954.02,922.06,925.12,948.15	-	-	26,7	g/100g

Ghi chú: 1. LOD = "Giới hạn phát hiện"

2. Nhỏ hơn = Thấp hơn LOQ "Giới hạn định lượng"

Phòng thí nghiệm đã được công nhận theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025.

"Bất kỳ người nắm giữ tài liệu này nên lưu ý nếu thông tin của khách hàng hoặc bên thứ ba được cung cấp liên quan đến hàng hóa hoặc mẫu, SGS có thể tùy ý đính kèm hoặc chỉ ra thông tin đó vào báo cáo nhưng SGS không bảo đảm hoặc không chịu trách nhiệm về tính xác thực hoặc sự thiếu sót của Thông tin đó."

Tài liệu này do Công ty phát hành tuân theo Điều kiện chung về Dịch vụ được in ở trang sau, có sẵn theo yêu cầu.

Cần chú ý đến các vấn đề về giới hạn trách nhiệm pháp lý, bồi thường và quyền tài phán được xác định trong đó. Bất kỳ người nào nắm giữ tài liệu này đều được khuyến cáo rằng thông tin trong tài liệu này chỉ phản ánh những phát hiện của Công ty tại thời điểm can thiệp và trong giới hạn hướng dẫn của Khách hàng, nếu có. Công ty chỉ chịu trách nhiệm đối với Khách hàng của mình và tài liệu này không miễn trừ cho các bên tham gia giao dịch thực liên tất cả các quyền và nghĩa vụ của họ theo các tài liệu giao dịch. Không được sao chép Tài liệu này ngoại trừ toàn bộ, nếu chưa có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Công ty. Bất kỳ thay đổi trái phép, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức của tài liệu này đều được coi là bất hợp pháp và những người vi phạm có thể bị truy tố ở mức cao nhất của pháp luật.

Cấm xuất bản hoặc quảng cáo kết quả hoặc tài liệu này, trừ khi có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Công ty.

Trừ khi có quy định khác, kết quả thể hiện trong báo cáo thử nghiệm này chỉ đề cập đến (các) mẫu đã nhận và (các) mẫu đó chỉ được lưu giữ trong 15 ngày.

CẢNH BÁO: (Các) mẫu có kết quả được ghi lại ở trong đây ("Kết quả") do Khách hàng hoặc bên thứ ba cung cấp theo chỉ đạo của Khách hàng. Kết quả không đảm bảo tính đại diện của mẫu đối với bất kỳ hàng hóa nào và chỉ liên quan đến (các) mẫu. Công ty không chịu trách nhiệm pháp lý liên quan đến nguồn gốc của (các) mẫu được thực hiện.

SGS (Thailand) Limited | Laboratory Services 10,10/1 - 4 and 12 Soi Rama III S. 59, Chong Nonsi, Yan Nawa, Bangkok

ĐT +66 (0)2 683 05 41, 294 74 85-90 fax +66 (0)2 294 74 84, 683 07 58 www.sgs.com



Báo cáo thử nghiệm: 5616665

Ngày: 7/7/2023

Số công nhận: 1007/43

Trang 4/4

Ký thay mặt
SGS (Thailand) Ltd.
(Đã ký)

Porn Poopetch
Quyền Trưởng phòng thí nghiệm hóa học tổng hợp

***** Kết thúc báo cáo *****

"Bất kỳ người nắm giữ tài liệu này nên lưu ý nếu thông tin của khách hàng hoặc bên thứ ba được cung cấp liên quan đến hàng hóa hoặc mẫu, SGS có thể tùy ý đính kèm hoặc chỉ ra thông tin đó vào báo cáo nhưng SGS không bảo đảm hoặc không chịu trách nhiệm về tính xác thực hoặc sự thiếu sót của Thông tin đó"

Tài liệu này do Công ty phát hành tuân theo Điều kiện chung về Dịch vụ được in ở trang sau, có sẵn theo yêu cầu.

Cần chú ý đến các vấn đề về giới hạn trách nhiệm pháp lý, bồi thường và quyền tài phán được xác định trong đó. Bất kỳ người nào nắm giữ tài liệu này đều được khuyến cáo rằng thông tin trong tài liệu này chỉ phản ánh những phát hiện của Công ty tại thời điểm can thiệp và trong giới hạn hướng dẫn của Khách hàng, nếu có. Công ty chỉ chịu trách nhiệm đối với Khách hàng của mình và tài liệu này không miễn trừ cho các bên tham gia giao dịch thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của họ theo các tài liệu giao dịch. Không được sao chép Tài liệu này ngoại trừ toàn bộ, nếu chưa có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Công ty. Bất kỳ thay đổi trái phép, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức của tài liệu này đều được coi là bất hợp pháp và những người vi phạm có thể bị truy tố ở mức cao nhất của pháp luật.

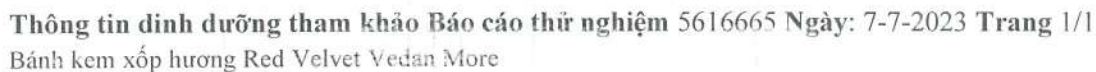
Cấm xuất bản hoặc quảng cáo kết quả hoặc tài liệu này, trừ khi có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Công ty.

Trừ khi có quy định khác, kết quả thể hiện trong báo cáo thử nghiệm này chỉ đề cập đến (các) mẫu đã nhận và (các) mẫu đó chỉ được lưu giữ trong 15 ngày.

CẢNH BÁO: (Các) mẫu có kết quả được ghi lại ở trong đây ("Kết quả") do Khách hàng hoặc bên thứ ba cung cấp theo chỉ đạo của Khách hàng. Kết quả không đảm bảo tính đại diện của mẫu đối với bất kỳ hàng hóa nào và chỉ liên quan đến (các) mẫu. Công ty không chịu trách nhiệm pháp lý liên quan đến nguồn gốc của (các) mẫu được thực hiện.

SGS (Thailand) Limited | Laboratory Services 10,10/1 - 4 and 12 Soi Rama III S. 59, Chong Nonsi, Yan Nawa, Bangkok
ĐT +66 (0)2 683 05 41, 294 74 85-90 fax +66 (0)2 294 74 84, 683 07 58 www.sgs.com

Thành viên của SGS Group



GHG

Lưu ý: Nhân dinh dưỡng hiển thị chỉ phản ánh định dạng quy định được nêu trong các quy định ghi nhãn hiện hành. Khi sử dụng nhãn, phải xem xét kích thước đóng gói thực tế đang được khách hàng sử dụng.

5318378

CẢNH BÁO: (Các) mẫu cò kết quả được ghi lại ở trong đây ("Kết quả") do Khách hàng hoặc bên thứ ba cung cấp theo chỉ đạo của Khách hàng. Kết quả không đảm bảo tính đại diện của mẫu đối với bất kỳ hàng hóa nào và chỉ liên quan đến (các) mẫu. Công ty không chịu trách nhiệm pháp lý liên quan đến nguồn gốc của (các) mẫu được thực hiện.

SGS (Thailand) Limited | Laboratory Services 10,10/1 - 4 and 12 Soi Rama III S. 59, Chong Nonsti, Yan Nawa, Bang Cok
ĐT +66 (0)2 683 05 41, 294 74 85-90 fax +66 (0)2 294 74 84, 683 07 58 www.sgs.com

Thành viên của SGS Group



Thông tin dinh dưỡng tham khảo Báo cáo thử nghiệm 5616665 Ngày: 7-7-2023 Trang 1/1
Bánh kem xốp hương Red Velvet Vedan More

คุณค่าทางโภชนาการต่อ 1 แพคเกจ

พลังงาน	น้ำตาล	ไขมัน	โซเดียม
180	8	9	60
กิโลแคลอรี	กรัม	กรัม	มิลลิกรัม
* 9%	* 12%	* 14%	* 33%

*คิดเป็นร้อยละของปริมาณสูงสุดที่บริโภคได้ต่อวัน

Lưu ý: Nhãn dinh dưỡng hiển thị chỉ phản ánh định dạng quy định được nêu trong các quy định ghi nhãn hiện hành.
Khi sử dụng nhãn, phải xem xét kích thước đóng gói thực tế đang được khách hàng sử dụng.

(Đã ký và đóng dấu)

Tài liệu này do Công ty phát hành tuân theo Điều kiện chung về Dịch vụ được in ở trang sau, có sẵn theo yêu cầu.

Cần chú ý đến các vấn đề về giới hạn trách nhiệm pháp lý, bồi thường và quyền tài phán được xác định trong đó. Bất kỳ người nào nắm giữ tài liệu này đều được khuyến cáo rằng thông tin trong tài liệu này chỉ phản ánh những phát hiện của Công ty tại thời điểm can thiệp và trong giới hạn hướng dẫn của Khách hàng, nếu có. Công ty chỉ chịu trách nhiệm đối với Khách hàng của mình và tài liệu này không miễn trừ cho các bên tham gia giao dịch thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của họ theo các tài liệu giao dịch. Không được sao chép Tài liệu này ngoại trừ toàn bộ, nếu chưa có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Công ty. Bất kỳ thay đổi trái phép, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức của tài liệu này đều được coi là bất hợp pháp và những người vi phạm có thể bị truy tố ở mức cao nhất của pháp luật.

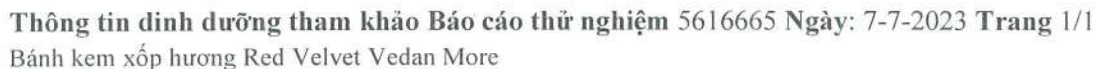
Trừ khi có quy định khác, kết quả thể hiện trong báo cáo thử nghiệm này chỉ để cấp đến (các) mẫu đã nhận và (các) mẫu đó chỉ được lưu giữ trong 15 ngày.

CẢNH BÁO: (Các) mẫu có kết quả được ghi lại ở trong đây ("Kết quả") do Khách hàng hoặc bên thứ ba cung cấp theo chỉ đạo của Khách hàng. Kết quả không đảm bảo tính đại diện của mẫu đối với bất kỳ hàng hóa nào và chỉ liên quan đến (các) mẫu. Công ty không chịu trách nhiệm pháp lý liên quan đến nguồn gốc của (các) mẫu được thực hiện.

SGS (Thailand) Limited | Laboratory Services 10,10/1 - 4 and 12 Soi Rama III S. 59, Chong Nonsi, Yan Nawa, Bangkok

ĐT +66 (0)2 683 05 41, 294 74 85-90 fax +66 (0)2 294 74 84, 683 07 58 www.sgs.com

Thành viên của SGS Group



(Đã ký và đóng dấu)

Lưu ý: Nhân dinh dưỡng hiển thị chỉ phản ánh định dạng quy định được nêu trong các quy định ghi nhãn hiện hành. Khi sử dụng nhãn, phải xem xét kích thước đóng gói thực tế đang được khách hàng sử dụng.

Tài liệu này do Công ty phát hành tuân theo Điều kiện chung về Dịch vụ được in ở trang sau, có sẵn theo yêu cầu.

Cần chú ý đến các vấn đề về giới hạn trách nhiệm pháp lý, bồi thường và quyền tài phán được xác định trong đó. Bất kỳ người nào nắm giữ tài liệu này đều được khuyến cáo rằng thông tin trong tài liệu này chỉ phản ánh những phát hiện của Công ty tại thời điểm cam thiệp và trong giới hạn hướng dẫn của Khách hàng, nếu có. Công ty chỉ chịu trách nhiệm đối với Khách hàng của mình và tài liệu này không miễn trừ cho các bên tham gia giao dịch thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của họ theo các tài liệu giao dịch. Không được sao chép Tài liệu này ngoại trừ toàn bộ, nếu chưa có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Công ty. Bất kỳ thay đổi trái phép, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức của tài liệu này đều được coi là bất hợp pháp và những người vi phạm có thể bị truy tố ở mức cao nhất của pháp luật.

Trừ khi có quy định khác, kết quả thể hiện trong báo cáo thử nghiệm này chỉ đề cập đến (các) mẫu đã nhận và (các) mẫu đó chỉ được lưu giữ trong 15 ngày.

CẢNH BÁO: (Các) mẫu có kết quả được ghi lại ở trong đây ("Kết quả") do Khách hàng hoặc bên thứ ba cung cấp theo chỉ đạo của Khách hàng. Kết quả không đảm bảo tính đại diện của mẫu đối với bất kỳ hàng hóa nào và chỉ liên quan đến (các) mẫu. Công ty không chịu trách nhiệm pháp lý liên quan đến nguồn gốc của (các) mẫu được thực hiện.

SGS (Thailand) Limited | Laboratory Services 10,10/1 - 4 and 12 Soi Rama III S. 59, Chong Nonsi, Yan Nawa, Bangkok
 ĐT +66 (0) 2 683 05 11, 294 74 85-90 fax +66 (0) 2 94 74 84, 683 07 58 www.sgs.com

Thành viên của SGS Group



Thông tin dinh dưỡng tham khảo Báo cáo thử nghiệm 5616665 Ngày: 7-7-2023 Trang 1/1
Bánh kem xốp hương Red Velvet Vedan More

คุณค่าทางโภชนาการต่อ 1 กล่อง

ควรแบ่งกิน ประมาณ 3 ครั้ง

พลังงาน	น้ำตาล	ไขมัน	โซเดียม
540 กิโลแคลอรี	24 กรัม	27 กรัม	180 มิลลิกรัม
* 27%	* 37%	* 42%	* 9%

* คิดเป็นร้อยละของปริมาณสูงสุดที่บริโภคได้ต่อวัน

Lưu ý: Nhãn dinh dưỡng hiển thị chỉ phản ánh định dạng quy định được nêu trong các quy định ghi nhãn hiện hành.
Khi sử dụng nhãn, phải xem xét kích thước đóng gói thực tế đang được khách hàng sử dụng.

(Đã ký và đóng dấu)

5318378

Tài liệu này do Công ty phát hành tuân theo Điều kiện chung về Dịch vụ được in ở trang sau, có sẵn theo yêu cầu.
Cần chú ý đến các vấn đề về giới hạn trách nhiệm pháp lý, bồi thường và quyền tài phán được xác định trong đó. Bất kỳ người nào nắm giữ tài liệu này đều được khuyến cáo rằng thông tin trong tài liệu này chỉ phản ánh những phát hiện của Công ty tại thời điểm can thiệp và trong giới hạn hướng dẫn của Khách hàng, nếu có. Công ty chỉ chịu trách nhiệm đối với Khách hàng của mình và tài liệu này không miễn trừ cho các bên tham gia giao dịch thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của họ theo các tài liệu giao dịch. Không được sao chép Tài liệu này ngoại trừ toàn bộ, nếu chưa có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Công ty. Bất kỳ thay đổi trái phép, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức của tài liệu này đều được coi là bất hợp pháp và những người vi phạm có thể bị truy tố ở mức cao nhất của pháp luật.

Trừ khi có quy định khác, kết quả thể hiện trong báo cáo thử nghiệm này chỉ để cấp đến (các) mẫu đã nhận và (các) mẫu đó chỉ được lưu giữ trong 15 ngày.

CẢNH BÁO: (Các) mẫu có kết quả được ghi lại ở trong đây ("Kết quả") do Khách hàng hoặc bên thứ ba cung cấp theo chỉ đạo của Khách hàng. Kết quả không đảm bảo tính đại diện của mẫu đối với bất kỳ hàng hóa nào và chỉ liên quan đến (các) mẫu. Công ty không chịu trách nhiệm pháp lý liên quan đến nguồn gốc của (các) mẫu được thực hiện.

SGS (Thailand) Limited | Laboratory Services 10,10/1 - 4 and 12 Soi Rama III S. 59, Chong Nonsi, Yan Nawa, Bangkok
ĐT +66 (0)2 683 05 41, 294 74 85-90 fax +66 (0)2 294 74 84, 683 07 58 www.sgs.com

Thành viên của SGS Group

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 09 tháng 08 năm 2023, tại trụ sở Văn phòng Công chứng Lại Khánh, A4 - TT19 Khu đô thị Văn Quán, Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Tôi, Công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật

CHỨNG NHẬN: CERTIFY THAT:

- Bản dịch này do bà Lê Thị Chà, CMND số 012392795 cấp ngày 23/12/2009 tại công an Hà Nội, là cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Lại Khánh, A4 - TT19 Khu đô thị Văn Quán, Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, đã dịch từ **tiếng Anh sang tiếng Việt**.
- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của bà Lê Thị Chà;
- Nội dung của bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội;
- Văn bản công chứng này được lập thành 05 bản chính, mỗi bản gồm 9 tờ, 9 trang, lưu một bản tại Văn phòng Công chứng Lại Khánh, A4 - TT19 Khu đô thị Văn Quán, Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Số công chứng: 2499 ; Quyền số: 01/2023 -TP/CC-SCC/BD

Người dịch


Lê Thị Chà

CÔNG CHỨNG VIÊN



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Nguyệt Hoa



Accreditation No.1007/43

Test Report 5616665

Date : 7-Jul-2023

Page 1 of 4

Client : KCG Corporation Public Company Limited
79 Moo 11, Theparak Road,
Bang Pla, Bang Phli, Samut Prakarn 10540 Thailand

The following sample(s) was/were submitted and identified by client as:

Sample Name : Vedan More Wafers filled with Red Velvet Flavored Cream
Export to : VEDAN (VIETNAM) ENTERPRISE CORP., LTD
Address : National Road 51, Hamlet 1A, Phuoc Thai Village, Long Thanh District, Dong Nai
Province, Vietnam

The following sample(s) was/were identified by SGS as:

SGS Sample No. : 5891777
Sample Condition : Sample is sealed in an aluminium bag.
Qty.Submitted : 81 bags (1000g)
Date Received : 26-Jun-2023 Date Commenced:

Test Items	Method	LOD	LOQ	Results	Units
Calories	Method of Analysis for Nutrition Labeling (1993) : 106				
-Calories from fat		-	-	240	kcal/100g
-Calories		-	-	523	kcal/100g
Protein (Nx6.25)	In-house method SOP LBAG-14002 based on AOAC (2019) 990.03,992.15,992.23	-	-	4.72	g/100g
Saturated Fat	AOAC (2019) 996.06,GC/FID	-	0.01	12.47	g/100g
Trans-fatty acid	AOAC (2019) 996.06 GC/FID				
-trans-fatty acid		-	0.01	0.08	g/100g
-trans-9,trans-12,trans-15-octa decatrienoic (C18:3)		-	-	0.00	
-trans-9, trans-12, cis-15-octadecatrienoic (C18:3)		-	-	0.00	
-trans-9, cis-12, trans-15-octadecatrienoic (C18:3)		-	-	0.00	

*Any holder of this document is advised that should client or third party information be supplied with respect to the goods or sample, SGS may, at its discretion, attached or indicate such information to the report but SGS makes no warranties or accepts no liable for the veracity or lack thereof of such Information."

⁹ This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service printed overleaf, available on request.

This document is issued by the Company subject to the General Conditions of Service printed hereon, available on request. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. This document cannot be reproduced except in full, without prior written approval of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Publish or advertisement of the result or this document is prohibited, unless prior written approval of the Company.

Unless otherwise stated the results shown in this test report refer only to the sample(s) received and such sample(s) are retained for 15 days only.

WARNING: The sample(s) to which the findings recorded herein (the "Findings") relate was(were) drawn and / or provided by the Client or by a third party acting at the Client's direction. The Findings constitute no warranty of the sample's representativeness of any goods and strictly relate to the sample(s). The Company accepts no liability with regard to the origin or source from which the sample(s) is/are said to be extracted.

Test Report 5616665

Date : 7-Jul-2023

Page 2 of 4

Test Items	Method	LOD	LOQ	Results	Units
-cis-9, trans-12, trans-15-octadecatrienoic (C18:3)		-	-	0.00	
-cis-9, cis-12, trans-15-octadecatrienoic (C18:3)		-	-	0.01	
-cis-9, trans-12, cis-15-octadecatrienoic (C18:3)		-	-	0.00	
-trans-9, cis-12, cis-15-octadecatrienoic (C18:3)		-	-	0.01	
Cholesterol	In-house method SOP LBCH-00259 based on AOAC (2019) 994.10 , GC/FID	0.10	0.50	2.28	mg/100g
Carbohydrate	Method of Analysis for Nutrition Labeling (1993) : 106				
-Ash		-	-	1.2	g/100g
-Moisture		-	-	1.4	g/100g
-Carbohydrate		-	-	66.0	g/100g
Dietary Fiber	In house method LBAG-99103 based on AOAC(2019) 985.29	-	-	1.56	g/100g
Total sugar	In-house method SOP LBLC-17001 based on AOAC(2019) 982.14 , HPLC-RI				
-Fructose		0.10	0.30	Not detected	g/100g
-Glucose		0.10	0.30	Not detected	g/100g
-Sucrose		0.10	0.30	20.72	g/100g
-Maltose		0.10	0.30	Not detected	g/100g
-Lactose		0.10	0.30	4.60	g/100g
-Total sugar		-	-	25.32	g/100g
Sodium (Na)	In-house method SOP No. LBCH-13532 based on AOAC (2019) 999.10 and 2011.14	1.50	5.00	180	mg/100g

*Any holder of this document is advised that should client or third party information be supplied with respect to the goods or sample, SGS may, at its discretion, attached or indicate such information to the report but SGS makes no warranties or accepts no liable for the veracity or lack thereof of such Information."

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service printed overleaf, available on request.

Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. This document cannot be reproduced except in full, without prior written approval of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Publish or advertisement of the result or this document is prohibited, unless prior written approval of the Company.

Unless otherwise stated the results shown in this test report refer only to the sample(s) received and such sample(s) are retained for 15 days only.

WARNING: The sample(s) to which the findings recorded herein (the "Findings") relate was(were) drawn and / or provided by the Client or by a third party acting at the Client's direction. The Findings constitute no warranty of the sample's representativeness of any goods and strictly relate to the sample(s). The Company accepts no liability with regard to the origin or source from which the sample(s) is/are said to be extracted.

Test Report 5616665

Date : 7-Jul-2023

Page 3 of 4

Test Items	Method	LOD	LOQ	Results	Units
Calcium (Ca)	In-house method SOP No. LBCH-13532 based on AOAC (2019) 999.10 and 2011.14	0.60	2.00	59	mg/100g
Iron (Fe)	In-house method SOP No. LBCH-13532 based on AOAC (2019) 999.10 and 2011.14	0.01	0.07	1.22	mg/100g
Potassium (K)	In-house method SOP No. LBCH-13532 based on AOAC (2019) 999.10 and 2011.14	1.50	5.00	238	mg/100g
Vitamin A (as Retinol)	In-house method SOP LBFD-99076 based on Bull. Dept. Med. Sci. Vol.37 No.1 Jan-March 1995 : P.57-64	0.98	1.96	Not detected	ug/100g
Vitamin B1(Thiamine)	In house method SOP LBFD-00089 based on AOAC (2019) 942.23	0.05	0.08	0.10	mg/100g
Vitamin B2(Riboflavin)	In house method SOP LBFD-00084 based on AOAC (2019) 970.65	0.05	0.08	0.28	mg/100g
Vitamin D	In-house method SOP LBFD-08474 In connection with AOAC (2016) 981.17 and AOAC (2016) 995.05				
-Vitamin D2 (as ergocalciferol)		0.25	0.50	Not detected	ug/100g
-Vitamin D3 (as cholecalciferol)		0.25	0.50	Not detected	ug/100g
Fat	In house method LBAG-00110 based on AOAC(2019) 954.02,922.06,925.12,948.15	-	-	26.7	g/100g

Remark : 1. LOD = "Limit of Detection"

2. Less than = Lower than LOQ "Limit of Quantitation"

The Laboratory have been accredited in accordance with ISO/IEC 17025.

*Any holder of this document is advised that should client or third party information be supplied with respect to the goods or sample, SGS may, at its discretion, attached or indicate such information to the report but SGS makes no warranties or accepts no liable for the veracity or lack thereof of such Information."

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service printed overleaf, available on request.

Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. This document cannot be reproduced except in full, without prior written approval of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Publish or advertisement of the result or this document is prohibited, unless prior written approval of the Company.

Unless otherwise stated the results shown in this test report refer only to the sample(s) received and such sample(s) are retained for 15 days only.

WARNING: The sample(s) to which the findings recorded herein (the "Findings") relate was(were) drawn and / or provided by the Client or by a third party acting at the Client's direction. The Findings constitute no warranty of the sample's representativeness of any goods and strictly relate to the sample(s). The Company accepts no liability with regard to the origin or source from which the sample(s) is/are said to be extracted.



Accreditation No.1007/43

Test Report 5616665

Date : 7-Jul-2023

Page 4 of 4

Signed for and on behalf of
SGS (Thailand) Ltd.

Porn Poopetch
Acting General Chemical Laboratory Manager

***** End of Report *****

"Any holder of this document is advised that should client or third party information be supplied with respect to the goods or sample, SGS may, at its discretion, attached or indicate such information to the report but SGS makes no warranties or accepts no liable for the veracity or lack thereof of such Information."

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service printed overleaf, available on request.

Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. This document cannot be reproduced except in full, without prior written approval of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Publish or advertisement of the result or this document is prohibited, unless prior written approval of the Company.

Unless otherwise stated the results shown in this test report refer only to the sample(s) received and such sample(s) are retained for 15 days only.

WARNING: The sample(s) to which the findings recorded herein (the "Findings") relate was(were) drawn and / or provided by the Client or by a third party acting at the Client's direction. The Findings constitute no warranty of the sample's representativeness of any goods and strictly relate to the sample(s). The Company accepts no liability with regard to the origin or source from which the sample(s) is/are said to be extracted.

ชื่อผลิตภัณฑ์ : Vedan More Wafers filled with Red Velvet Flavored Cream

ข้อมูลโภชนาการ			
หนึ่งหน่วยบริโภค	1 แพ็ค (33 กรัม)		
จำนวนหน่วยบริโภคต่อ	แพ็ค : 1		
คุณค่าทางโภชนาการต่อหนึ่งหน่วยบริโภค			
พลังงานทั้งหมด	180	กิโลแคลอรี	(พลังงานจากไขมัน 80 กิโลแคลอรี)
ร้อยละของปริมาณที่แนะนำต่อวัน*			
ไขมันทั้งหมด	9 ก.		14 %
ไขมันอิ่มตัว	4 ก.		20 %
กรดไขมันชนิดทรานส์	0 ก.		
โคเลสเตอรอล	0 มก.		0 %
โปรตีน	2 ก.		
คาร์โบไฮเดรตทั้งหมด	22 ก.		7 %
ใยอาหาร	น้อยกว่า 1 ก.		2 %
น้ำตาล	8 ก.		
โซเดียม	60 มก.		3 %
โพแทสเซียม	80 มก.		2 %
ร้อยละของปริมาณที่แนะนำต่อวัน*			
วิตามินเอ	0 %	วิตามินบี 1	2 %
วิตามินบี 2	6 %	แคลเซียม	2 %
เหล็ก	2 %	วิตามินดี	0 %
* ร้อยละของปริมาณสารอาหารที่แนะนำให้บริโภคต่อวันสำหรับคนไทยอายุตั้งแต่ 6 ปีขึ้นไป (Thai RDI) โดยคิดจากความต้องการพลังงานวันละ 2,000 กิโลแคลอรี			
ความต้องการพลังงานของแต่ละบุคคลแตกต่างกัน ผู้ที่ต้องการพลังงานวันละ 2,000 กิโลแคลอรี ควรได้รับสารอาหารต่าง ๆ ดังนี้			
ไขมันทั้งหมด	น้อยกว่า	65	ก.
ไขมันอิ่มตัว	น้อยกว่า	20	ก.
โคเลสเตอรอล	น้อยกว่า	300	มก.
คาร์โบไฮเดรตทั้งหมด		300	ก.
ใยอาหาร		25	ก.
โซเดียม	น้อยกว่า	2,000	มก.
พลังงาน (กิโลแคลอรี) ต่อกรัม : ไขมัน = 9; โปรตีน = 4 ; คาร์โบไฮเดรต = 4			

Pm P.

พร ภูเพ็ชร

ผู้จัดการ

ห้องปฏิบัติการเคมีทั่วไป

Remark : The nutrition label shown reflects only the prescribed format set out in the applicable labeling regulations. When applying the label, the actual package size being used by client must be considered.

ชื่อผลิตภัณฑ์ : Vedan More Wafers filled with Red Velvet Flavored Cream

คุณค่าทางโภชนาการต่อ 1 แพ็ค

พลังงาน	น้ำตาล	ไขมัน	โซเดียม
180	8	9	60
กิโลแคลอรี	กรัม	กรัม	มิลลิกรัม
* 9%	* 12%	* 14%	* 3%

*คิดเป็นร้อยละของปริมาณสูงสุดที่บริโภคได้ต่อวัน

Remark : The nutrition label shown reflects only the prescribed format set out in the applicable labeling regulations. When applying the label, the actual package size being used by client must be considered.

P. P.

พร ภูเพ็ชร

ผู้จัดการ

ห้องปฏิบัติการเคมีทั่วไป

5318378

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service printed overleaf, available on request.

Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. This document cannot be reproduced except in full, without prior written approval of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Unless otherwise stated the results shown in this test report refer only to the sample(s) received and such sample(s) are retained for 15 days only.

WARNING: The sample(s) to which the findings recorded herein (the "Findings") relate was(were) drawn and / or provided by the Client or by a third party acting at the Client's direction. The Findings constitute no warranty of the sample's representativeness of any goods and strictly relate to the sample(s). The Company accepts no liability with regard to the origin or source from which the sample(s) is/are said to be extracted.

ชื่อผลิตภัณฑ์ : Vedan More Wafers filled with Red Velvet Flavored Cream

ข้อมูลโภชนาการ			
หนึ่งหน่วยบริโภค	1 แพ็ค (33 กรัม)		
จำนวนหน่วยบริโภคต่อ	กล่อง : ประมาณ 3		
คุณค่าทางโภชนาการต่อหนึ่งหน่วยบริโภค			
พลังงานทั้งหมด	180	กิโลแคลอรี	(พลังงานจากไขมัน 80 กิโลแคลอรี)
ร้อยละของปริมาณที่แนะนำให้บริโภค*			
ไขมันทั้งหมด	9 ก.		14 %
ไขมันอิ่มตัว	4 ก.		20 %
กรดไขมันชนิดทรานส์	0 ก.		
โคเลสเตอรอล	0 มก.		0 %
โปรตีน	2 ก.		
คาร์โบไฮเดรตทั้งหมด	22 ก.		7 %
ใยอาหาร	น้อยกว่า 1 ก.		2 %
น้ำตาล	8 ก.		
โซเดียม	60 มก.		3 %
โพแทสเซียม	80 มก.		2 %
ร้อยละของปริมาณที่แนะนำให้บริโภค*			
วิตามินเอ	0 %	วิตามินบี 1	2 %
วิตามินบี 2	6 %	แคลเซียม	2 %
เหล็ก	2 %	วิตามินดี	0 %
* ร้อยละของปริมาณสารอาหารที่แนะนำให้บริโภคต่อวันสำหรับคนไทยอายุตั้งแต่ 6 ปีขึ้นไป (Thai RDI) โดยคิดจากความต้องการพลังงานวันละ 2,000 กิโลแคลอรี			
ความต้องการพลังงานของแต่ละบุคคลแตกต่างกัน ผู้ที่ต้องการพลังงานวันละ 2,000 กิโลแคลอรี ควรได้รับสารอาหารต่าง ๆ ดังนี้			
ไขมันทั้งหมด	น้อยกว่า	65	ก.
ไขมันอิ่มตัว	น้อยกว่า	20	ก.
โคเลสเตอรอล	น้อยกว่า	300	มก.
คาร์โบไฮเดรตทั้งหมด		300	ก.
ใยอาหาร		25	ก.
โซเดียม	น้อยกว่า	2,000	มก.
พลังงาน (กิโลแคลอรี) ต่อกรัม : ไขมัน = 9; โปรตีน = 4 ; คาร์โบไฮเดรต = 4			

Remark : The nutrition label shown reflects only the prescribed format set out in the applicable labeling regulations. When applying the label, the actual package size being used by client must be considered.


 พร ภูเพ็ชร
 ผู้จัดการ
 ห้องปฏิบัติการเคมีทั่วไป

Nutrition Information refer to Test Report 5616665 Date : 7-Jul-2023 Page 1 of 1
 ชื่อผลิตภัณฑ์ : Vedan More Wafers filled with Red Velvet Flavored Cream

คุณค่าทางโภชนาการต่อ 1 กล่อง

ควรแบ่งกิน ประมาณ 3 ครั้ง

พลังงาน	น้ำตาล	ไขมัน	โซเดียม
540 กิโลแคลอรี	24 กรัม	27 กรัม	180 มิลลิกรัม
* 27%	* 37%	* 42%	* 9%

*คิดเป็นร้อยละของปริมาณสูงสุดที่บริโภคได้ต่อวัน

Remark : The nutrition label shown reflects only the prescribed format set out in the applicable labeling regulations. When applying the label, the actual package size being used by client must be considered.

Pm P.

พร ภูเขียว

ผู้จัดการ

ห้องปฏิบัติการเคมีทั่วไป

5318378

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service printed overleaf, available on request.
 Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. This document cannot be reproduced except in full, without prior written approval of the Company. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Unless otherwise stated the results shown in this test report refer only to the sample(s) received and such sample(s) are retained for 15 days only.

WARNING: The sample(s) to which the findings recorded herein (the "Findings") relate was/were drawn and / or provided by the Client or by a third party acting at the Client's direction. The Findings constitute no warranty of the sample's representativeness of any goods and strictly relate to the sample(s). The Company accepts no liability with regard to the origin or source from which the sample(s) is/are said to be extracted.

**KCG Corporation Public Company Limited**228 Moo.11, Theparak Road, Bang Phli Yai, Bang Phli, Samut
Prakarn, 10540 Thái Lan.

ĐT : 02-744-2000, Fax : 02-752-5581

TP/FM-LAB-035

Sửa đổi 09, 03/01/2023



Số công nhận: 1274/59

BÁO CÁO THỬ NGHIỆM

Trang: 1/1

Tên Khách hàng : KCG Corporation Public Company Limited**Số yêu cầu** : 23/000498**Địa chỉ** : 79 Moo 11 Thepharak Road, Bang Pla,**Số báo cáo** : 23-000694/2-1

(Bổ sung Báo cáo thử nghiệm số: 23-000694)

Bang Phli, Samut Prakarn, 10540 Thái Lan.

Ngày nhận : 26/06/23**Người nhận** : Khun Chonticha Suwanprasert**Mã mẫu** : 20230626-802**Tên mẫu** : Bánh kem xốp hương Red Velvet Vedan More**Ngày phân tích** : 26/06/23- 03/07/23

Ngày sản xuất: 23/06/2023

Xuất khẩu tới: CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN

VEDAN VIỆT NAM

Ngày báo cáo : 28/08/23

Địa chỉ: Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Huyện

Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Địa điểm thực hiện : Phòng thí nghiệm vi sinh**Mô tả mẫu** : Chất rắn màu hồng chứa trong túi nhựa

(600 g x 1túi)

Hạng mục thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả	LOD	LOQ	Đơn vị	U	Thông số	Diễn giải
Tổng vi sinh vật hiếu khí	AOAC (2019) 990.12	390	-	-	CFU/g	-	-	-
Nấm men và nấm mốc	AOAC (2019) 997.02	<10	-	-	CFU/g	-	-	-
Coliform	AOAC (2019) 991.14	10	-	-	CFU/g	-	-	-
<i>Escherichia coli</i>	AOAC (2019) 991.14	Không phát hiện	-	-	trên 0,1 g	-	-	-
<i>Staphylococcus aureus</i>	AOAC (2019) 2003.07, 2003.08	<10	-	-	CFU/g	-	-	-
<i>Salmonella spp.</i>	AOAC (2019) 2016.01	Không phát hiện	-	-	trên 25 g	-	-	-
<i>Bacillus cereus</i>	ISO 7932 : 2004	<10	-	-	CFU/g	-	-	-
<i>Clostridium perfringens</i>	ISO 7937 :2004	<10	-	-	CFU/g	-	-	-

Ghi chú: - Phòng thí nghiệm đã được công nhận là phòng thí nghiệm được công nhận phù hợp với tiêu chuẩn ISO/IEC 17025

- * = Phương pháp thử nghiệm không được đề cập tuân theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025.
- LOD = Giới hạn phát hiện
- " < " = Thấp hơn LOQ (Giới hạn định lượng)
- U = Không chắc chắn

(Đã đóng dấu)

Người báo cáo: (Đã ký)

(Bà Chanakarn Pisitkul)

Giám đốc Đảm bảo chất lượng

{ Giám đốc kỹ thuật }

28/08/23

Người phê duyệt: (Đã ký)

(Bà Supunsa Puthaworn)

Giám đốc Kiểm soát chất lượng/ Đảm bảo chất lượng

{ Trợ lý Giám đốc Chất lượng }

28/08/23

Các kết quả trên chỉ có giá trị đối với mẫu đã gửi như được nêu trong báo cáo này. Không được sao chép bất kỳ phần nào của báo cáo hoặc chứng chỉ này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của phòng thí nghiệm. Phòng thí nghiệm của KCG Corporation Public Company Limited (chi nhánh Theparak) đặc biệt khuyến nghị không được sao chép báo cáo này ngoại trừ toàn bộ.

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 28 tháng 08 năm 2023, tại trụ sở Văn phòng Công chứng Lại Khánh, A4 - TT19 Khu đô thị Văn Quán, Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Tôi, Công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật

CHỨNG NHẬN:

CERTIFY THAT:

- Bản dịch này do bà Lê Thị Chà, CMND số 012392795 cấp ngày 23/12/2009 tại công an Hà Nội, là cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Lại Khánh, A4 - TT19 Khu đô thị Văn Quán, Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, đã dịch từ **tiếng Anh sang tiếng Việt**.
- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của bà Lê Thị Chà;
- Nội dung của bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội;
- Văn bản công chứng này được lập thành 02 bản chính, mỗi bản gồm 2 tờ, 2 trang, lưu một bản tại Văn phòng Công chứng Lại Khánh, A4 - TT19 Khu đô thị Văn Quán, Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Số công chứng: 2653 ; Quyền số: 01/2023 -TP/CC-SCC/BD

Người dịch

CÔNG CHỨNG VIÊN



Lê Thị Chà



CÔNG CHỨNG VIÊN
Vũ Thị Thùy Trang

13 -
HỒN
CHỨ
HÁN
- T.P



Test Report

Page : 1/1

Customer Name : KCG Corporation Public Company Limited **Required No.** : 23/000498
Address : 79 Moo 11 Theparak Road, Bang Pla, **Report No.** : 23-000694/2-1
Bang Phli, Samut Prakarn, 10540 Thailand **(Supplement to Test Report No. : 23-000694)**
Attention to : Khun Chonticha Suwanprasert **Received Date** : 26/06/23
Sample Name : Vadan More Wafers filled with Red Velvet **Sample No.** : 20230626-802
Flavoured Cream **Analyzed** : 26/06/23- 03/07/23
MFG 23/06/2023 **Reported** : 28/08/23
Export to : VEDAN (VIETNAM) ENTERPRISE CORP.,LTD **Location of the** : Microbiological laboratory
Address : National Road 51, Hamlet 1A, Phuoc Thai Village, **performed**
Long Thanh District, Dong Nai Province, Vietnam

Sample Description : Pink color solid contained
in Plastic bag (600 g x 1 Pack)

Test Item	Test Method	Results	LOD	LOQ	Unit	U	Specification	Interpretation
Total Plate Count	AOAC (2019) 990.12	390	-	-	CFU/g	-	-	-
Yeasts and Molds	AOAC (2019) 997.02	<10	-	-	CFU/g	-	-	-
Coliform	AOAC (2019) 991.14	10	-	-	CFU/g	-	-	-
<i>Escherichia coli</i>	AOAC (2019) 991.14	Not detected	-	-	Per 0.1 g	-	-	-
<i>Staphylococcus aureus</i>	AOAC (2019) 2003.07, 2003.08	<10	-	-	CFU/g	-	-	-
<i>Salmonella</i> spp.	AOAC (2019) 2016.01	Not detected	-	-	Per 25 g	-	-	-
<i>Bacillus cereus</i>	ISO 7932 : 2004	<10	-	-	CFU/g	-	-	-
<i>Clostridium perfringens</i>	ISO 7937 :2004	<10	-	-	CFU/g	-	-	-

Remark : - The laboratory has been accepted as an accredited laboratory complying with the ISO/IEC 17025

- * = Test method is/are not covered complying with the ISO/IEC 17025.
- LOD = Limit of Detection
- " < " = Lower than LOQ (Limit of Quantitation)
- U = Uncertainty



Reported by: Chanakorn P.
(Miss Chanakorn Pisitkul)
QA Section Manager
{ Technical Manager }

28/8/23

Approved by: Supunsa P.
(Miss Supunsa Puthaworn)
QA/QC Manager
{ Assistant Quality Manager }

28/8/23